|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT  HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM | *Mẫu: 01-LLKH* |

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN

**1.** Họ và tên: BÙI QUANG TUẤN

**2.** Năm sinh: 02/8/1959  **3.** Nam/Nữ: Nam

**4.** Học hàm: Phó giáo sư Năm được phong học hàm: 2007

Học vị: Tiến sĩ Năm đạt học vị: 2000

**5.** Chức danh nghiên cứu: Chức vụ: Trưởng bộ môn

**6.** Địa chỉ nhà riêng: nhà A3, chung cư 250 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**7.** Điện thoại:CQ: 38768273 ; NR: ; Mobile: 0915176042

**8.** Fax: Email: bqtuan@vnua.edu.vn

**9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân**:

Tên tổ chức: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tên người Lãnh đạo: **PGS. TS Nguyễn Thị Lan – Phó giám đốc phụ trách Học viện**

Điện thoại người Lãnh đạo: 0462617686

Địa chỉ tổ chức: Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội

**10. Quá trình đào tạo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bậc đào tạo** | **Nơi đào tạo** | **Chuyên môn** | **Năm tốt nghiệp** |
| Đại học | Ulanbator, Mông Cổ | Chăn nuôi động vật | 1985 |
| Thạc sỹ |  |  |  |
| Tiến sỹ | ĐHNN Hà Nội, VN | Chăn nuôi động vật | 2000 |
| Thực tập sinh khoa học | CHLB Đức | Dinh dưỡng bò sữa | 1995 |
| Thực tập sinh khoa học | Vương quốc Bỉ | Dinh dưỡng lợn | 2000 |

# 11. Quá trình công tác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian****(*Từ năm ... đến năm...*)** | **Vị trí công tác** | **Tổ chức công tác** | **Địa chỉ Tổ chức** |
| 1986-2015 |  | Đại học Nông nghiệp Hà Nội nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**12. Các công trình công bố** (liệt kê các công trình đã công bố)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên công trình  (*bài báo, công trình...*) | Là tác giả hoặc  là đồng tác giả  công trình | Nơi công bố  (*tên tạp chí đã đăng công trình*) | Năm công bố |
| 1 | Nghiên cứu sử dụng thân cây ngô già sau thu bắp làm thức ăn cho bò sữa | Tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, số 12, trang 559-560 | 1999 |
| 2 | Nghiên cứu sử dụng rơm lúa làm thức ăn cho bò sữa | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp. ĐHNN1 | 2000 |
| 3 | Effects of several treatment on in-sacco degradability of maize stover and influence of its partial replacement of green grass in a cattle diet on rumen efficiency | Tác giả | Proceedings of the Workshop on Improved Utilization of By-products for Anima Feeding in Vietnam, held on 28-30 March 2001 in Hanoi | 2002 |
| 4 | Tình hình chăn nuôi và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi dưỡng trâu bò tại huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI | 2003 |
| 5 | Nghiên cứu sử dụng thân cây chuối lá làm thức ăn cho bê sữa lai sinh trưởng trong vụ động | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI, tập 2, số 1, trang 52-56 | 2004 |
| 6 | Xử lý urê cây ngô sau thu bắp làm thức ăn nuôi bò cái hậu bị | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI, tập 2, số 4, trang 275-279 | 2004 |
| 7 | Ảnh hưởng của ủ chua và xử lý urê đến tính chất và thành phần dinh dưỡng của ngọn lá mía | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI, tập 3, số 2, trang 125-130 | 2005 |
| 8 | Ủ bảo quản bã sắn làm thức ăn dự trữ cho trâu bò | Tác giả | Tạp chí Chăn nuôi – Hội Chăn nuôi Việt Nam, số 7 (77), trang 13-17 | 2005 |
| 9 | Ảnh hưởng của tuổi thu hoạch đến năng suất và chất lượng thức ăn của cỏ voi (*Pennisetum purpureum*), cỏ ghinê (*Panicum maximum*) trồng tại Đan Phượng, Hà Tây | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI, tập 3, số 3, trang 202-207 | 2005 |
| 10 | Nghiên cứu mức bón phân urê đối với cỏ voi và cỏ ghinê | Tác giả | Tạp chí Chăn nuôi – Hội Chăn nuôi Việt Nam, số 7 (77), trang 17-20 | 2005 |
| 11 | Ensilage of maize stem after collecting corn to feed heifer’s cattle | Tác giả | Proceedings of the Workshop on Improved Utilization of By-products for Anima Feeding in Vietnam and Laos (NXB Nông nghiệp) | 2005 |
| 12 | Chế biến bã sắn làm thức ăn dự trữ cho bò sữa | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI | 2006 |
| 13 | Khảo sát thành phần thảm thực vật và đặc điểm cấu trúc đồng cỏ chăn thả xã Ngọc Thanh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI, tập 4, số 1, trang 36-41 | 2006 |
| 14 | Ảnh hưởng của ủ kiềm hoá rơm tươi với urê đến khả năng thu nhận thức ăn và tăng trọng của bê sinh trưởng | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI, tập 4, số 3, trang 229-234 | 2006 |
| 15 | Chế biến bã sắn làm thức ăn dự trữ cho bò sữa | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI, tập 4, số 1, trang 25-29 | 2006 |
| 16 | Xử lý và bảo quản rơm tươi làm thức ăn cho trâu bò | Đồng tác giả | Tạp chí Chăn nuôi – Hội Chăn nuôi Việt Nam, số 9 (91), trang 27-32 | 2006 |
| 17 | Ủ chua cây ngô sau thu bắp già làm thức ăn cho bò sữa tại Đan Phượng, Hà Tây | Tác giả | Tạp chí Chăn nuôi – Hội Chăn nuôi Việt Nam, số 2 (84), trang 18-21 | 2006 |
| 18 | Khảo sát giá trị thức ăn của một số cây cỏ có nguồn gốc từ vùng ôn đới tại Tân yên-Bắc Giang, số 9 (91), trang 23-27 | Tác giả | Tạp chí Chăn nuôi – Hội Chăn nuôi Việt Nam, số 9 (91), trang 23-27 | 2006 |
| 19 | Treatment and preservation of fresh rice straw as feed for cattle | Đồng tác giả | NUFU PROJECT Final Workshop on Improved Utilization of agricultural by-products as animal feed in Vietnam and Laos, Vientiane, 6-7 November 2006 | 2006 |
| 20 | A study on cassava residue preservation for dairy cattle feeding | Đồng tác giả | NUFU PROJECT Final Workshop on Improved Utilization of agricultural by-products as animal feed in Vietnam and Laos, Vientiane, 6-7 November 2006 | 2006 |
| 21 | Using cassava (Manihot esculenta, Crants) residue silage with mung bean (Phaseolus aureus Roxb) processing by-products as supplementary feeds for fattening cattle | Tác giả | NUFU PROJECT Final Workshop on Improved Utilization of agricultural by-products as animal feed in Vietnam and Laos, Vientiane, 6-7 November 2006 | 2006 |
| 22 | Ảnh hưởng của một số yếu tố đến việc sử dụng rơm và thân cây ngô làm thức ăn cho trâu bò tại các tỉnh phía Bắc | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp – ĐHNNI, tập 6, số 1, trang 47-51 | 2008 |
| 23 | Giá trị thức ăn chăn nuôi của một số giống cao lương trong mùa đông tại Gia Lâm, Hà Nội | Tác giả | Tạp chí Khoa học và Phát triển, Trường Đại học Nông nghiệp I, tập 6, số 1, trang 52-57 | 2008 |
| 24 | Năng suất, chất lượng một số giống cây thức ăn gia súc (Pennisetum purpureum, Panicum maximum, Brachiaria ruziziensis, Stylosanthes guianensis) trồng tại Đắk Lắk | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học và Phát triển, Trường Đại học Nông nghiệp I, tập 7, số 3, trang 276-283 | 2009 |
| 25 | Ảnh hưởng của khoảng cách trồng và phương pháp thu hạt đến năng suất, chất lượng hạt giống cỏ ghi nê trồng tại Đắk Lắk | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học và Phát triển, ĐHNN Hà Nội, tập 7, số 6, trang 738-743 | 2010 |
| 26 | Năng suất, chất lượng một số giống cỏ trồng trong vụ đông-xuân tại Hà Nội và Bắc Ninh | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học và Phát triển, ĐHNN Hà Nội, tập 9, số 1, trang 84-90 | 2011 |
| 27 | Ảnh hưởng của khoảng cách trồng và mức bón phân đạm đến năng suất, chất lượng cỏ setaria | Tác giả | Tạp chí Khoa học và Phát triển, ĐHNN Hà Nội, tập 9, số 2, trang 251-258 | 2011 |
| 28 | Sử dụng cây cao lương trong chăn nuôi bò thịt | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học và Phát triển, ĐHNN Hà Nội, tập 9, số 4, trang 608-614 | 2011 |
| 29 | Effect of different additives on the quality of Gac shell (Momordica cochinchinesis Spreng) silage | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học và Phát triển, ĐHNN Hà Nội, số 9, trang 139-145 | 2011 |
| 30 | Sử dụng độn lót nền chuồng lên men vi sinh vật trong chăn nuôi gà đẻ trứng lương phượng | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học và Phát triển, ĐHNN Hà Nội, tập 11, số 2, trang 209-216 | 2011 |
| 31 | Effects of replacing fish meal with soy cake in a diet based on urea-treated rice straw on performance of growing Laisind beef cattle | Đồng tác giả | Tropical Animal Health and Production, Volume 45, Number 4, Pp 902-909 | 2012 |
| 32 | The use of Mung bean (Phaseolus aureus) hulls in diet of laying hens | Đồng tác giả | Livestock Research for Rural Development, 25 (1) | 2013 |
| 33 | Năng suất chất xanh và giá trị dinh dưỡng làm thức ăn chăn nuôi của một số giống cao lương mới lai tạo (Sorghum bicolor (L.) Moench) tại các vùng sinh thái khác nhau | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp&PTNT | 2013 |
| 34 | Ảnh hưởng của thời điểm thu cắt đến năng suất, thành phần hóa học của hai dòng cao lương (OPV86 và OPV88) và chất lượng thức ăn ủ chua từ cây cao lương | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp&PTNT | 2014 |
| 35 | Sử dụng cây cao lương nuôi vỗ béo bò | Đồng tác giả | Tạp chí Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi, số 4, Tr: 37-44 | 2015 |
| 36 | Xác định khối lượng và chế biến thân cây sắn làm thức ăn cho gia súc nhai lại | Đồng tác giả | Tạp chí Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi, số 4, Tr: 29-36 | 2015 |
| 37 | Thu nhận thức ăn, tiêu hóa, cân bằng nitơ và dẫn xuất purine trong nước tiểu của dê khi cho ăn keo dậu (Leucaeana leucocephala) và stylo (Stylosanthes guianensis). |  | Tạp chí Khoa học và Phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, tập 13, số 6, trang 913-920 | 2015 |
| 38 | Thu nhận thức ăn, tiêu hóa, cân bằng nitơ và dẫn xuất purine trong nước tiểu của dê được bổ sung cây họ đậu (Fabaceae) vào khẩu phần | Đồng tác giả | Tạp chí Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi, số 10, Tr: 64-70 | 2015 |
| 39 | Nhu cầu năng lượng duy trì của bò thịt lai Việt Nam | Đồng tác giả | Tạp chí KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI, số 65/2016, Tr: 2-24 | 2016 |
| 40 | Ảnh hưởng của tỷ lệ cỏ voi và cây lạc dại khô trong khẩu phần đến hiệu quả sử dụng thức ăn, chuyển hóa nitơ và dẫn xuất purine trong nước tiểu của dê | Đồng tác giả | Tạp chí Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi, số 213, Tháng 11/2016, Tr: 54-60 | 2016 |
| 41 | Đánh giá chất lượng và hệ vi sinh vật trong cỏ voi ủ chua | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Tập 14, số 9, 2016, Tr: 1410-1418 | 2016 |
| 42 | Nghiên cứu mức năng lượng và protein thích hợp trong khẩu phần ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) cho nhóm bò lai F1 (BBB x Lai Sind) giai đoạn 6-12 tháng tuổi | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi, số 85, tr. 75-85 | 2018 |
| 43 | Nghiên cứu mức năng lượng và protein thích hợp trong khẩu phần ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) cho nhóm bò lai F1 (BBB x Lai Sind) nuôi vỗ béo | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi, số 89, tr. 46-55 | 2018 |
| 44 | Sử dụng nấmPleurotus eryngii trong chế biến rơm làm thức ăn cho gia súc nhai lại. | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 16(6): 578-584 | 2018 |
| 45 | Hiện trạng và hướng nghiên cứu phát triển cây làm thức ăn xanh cho chăn nuôi gia súc ở Việt Nam | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi, số 86, tr. 2-19 |  |
| 46 | Fermenting rice straw with the fungus Pleurotus eryngii increased the content of crude protein and the digestibility of the straw. | Đồng tác giả | Livestock Research for Rural Development. Volume 31, Article #25. [*http://www.lrrd.org/lrrd31/2/nthuy31025.html*](http://www.lrrd.org/lrrd31/2/nthuy31025.html) | 2018 |
| 47 | Effect of Using Fungal Treated Rice Straw in Sheep Diet on Nutrients Digestibility and Microbial Protein Synthesis. | Đồng tác giả | Asian Journal of Animal Sciences. DOI: 10.3923/ajas.2019. | 2019 |
| 48 | Nghiên cứu các mức năng lượng và protein trong khẩu phần ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) cho bê lai F1 (BBB x Lai Sind) giai đoạn 6-12 tháng tuổi | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi, số 107, tr. 59-69 | 2020 |
| 49 | Passion fruit (Passiflora edulis) peel as feed for ruminants in Vietnam: Quantification, chemical composition and possibility to make silage | Đồng tác giả | Livestock Research for Rural Development. Volume 32, Article #35. Retrieved February 7, 2020, from <http://www.lrrd.org/lrrd32/2/trach32035.html> | 2020 |
| 50 | Passion fruit (Passiflora edulis) peel as feed for dairy cattle in Vietnam | Đồng tác giả | Livestock Research for Rural Development. Volume 32, Article #35 (5). Retrieved February 7, 2020, from <http://www.lrrd.org/lrrd32/2/trach32035.html> | 2020 |
| 51 | Use of cashew apple fruit silage in cattle fattening diet | Đồng tác giả | Livestock Research for Rural Development. Volume 32, Article #35 (5). Retrieved February 7, 2020, from <http://www.lrrd.org/lrrd32/2/trach32035.html> | 2020 |
| 52 | Chế biến bã mía, lõi ngô làm thức ăn cho gia súc nhai lại | Đồng tác giả | Số 256 - tháng 4 năm 2020, trang 35-40 | 2020 |
| 53 | Sử dụng vỏ chanh leo, lõi ngô, bã mía trong hỗn hợp thức ăn lên men cho bò cái tơ sinh trưởng tại Sơn La | Đồng tác giả |  | 2020 |
| 54 | Sử dụng vỏ chanh leo, lõi ngô trong hỗn hợp thức ăn lên men cho bò vắt sữa tại Sơn La | Đồng tác giả |  | 2020 |
| 55 | Đánh giá tính cân bằng và khả năng phát triển quy mô đàn đại gia súc (trâu, bò) ở Gia Lai trên cơ sở các nguồn cung cấp thức ăn tại chỗ | Đồng tác giả |  | 2020 |
| 56 |  |  |  |  |
| 57 |  |  |  |  |
| 58 |  |  |  |  |

13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp (nếu có)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên và nội dung văn bằng** | **Năm cấp văn bằng** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình** | **Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng** | **Thời gian**  **(*bắt đầu - kết thúc*)** |
| 1 | Xử lý rơm tươi bằng urê làm thức ăn cho trâu, bò | Tiến bộ kỹ thuật | *2013* |
| 2 |  |  |  |

**15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tên đề tài,dự án,nhiệm vụ khác đã chủ trì*** | ***Thời gian***  **(bắt đầu - kết thúc)** | ***Thuộc Chương trình***  **(nếu có)** | ***Tình trạng đề tài***  **(đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)** |
| Khảo sát tuyển chọn tạp đoàn cây thức ăn gia súc cho chăn nuôi bò sữa nông hộ tại Lương Sơn – Hoà Bình | *2004-2005* | *Đề tài cấp bộ* | *Đã nghiệm thu* |
| NUFU PROJECT - Improved Utilization of agricultural by-products as animal feed in Vietnam and Laos | *1996-2006* |  |  |
| Điều tra tình hình sử dụng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi | *2007-2008* | *Đề tài Bộ NN&PTNT* | *Đã nghiệm thu* |
| Tuyển chọn và xây dựng quy trình thâm canh cây thức ăn cho trâu bò trong vụ đông xuân | *2009-2010* | *Đề tài cấp bộ* | *Đã nghiệm thu* |
| Chọn lọc và sử dụng một số giống cao lương (sorghum) có năng suất chất xanh cao trong vụ đông xuân làm thức ăn cho gia súc nhai lại | 2010 | Bộ NN&PTNT | *Đã nghiệm thu* |
| Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh vật tổng hợp để xử lý độn lót nền chuồng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và chống ô nhiễm trong chăn nuôi gia cầm tập trung | 2012 | Bộ NN&PTNT | *Đã nghiệm thu* |
| Nghiên cứu lai tạo giống cao lương (Sorghum bicolor L.) dùng làm thức ăn chăn nuôi | 2013 | Bộ NN&PTNT | *Đã nghiệm thu* |
| Nghiên cứu khẩu phần ăn phù hợp với các giai đoạn tuổi của bò lai hướng thịt F1 (BBB x Lai Sind) nuôi tại ngoại thành Hà Nội. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố Hà Nội | 2016-2017 | Thành phố Hà Nội | *Đã nghiệm thu* |
| Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm nguyên liệu giàu protein từ bột sắn và bã sắn bằng công nghệ lên men vi sinh để làm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh trong chăn nuôi bò sữa và bò thịt tại vùng chăn nuôi trọng điểm của Hà Nội | 2017-2019 | Thành phố Hà Nội |  |
| Nghiên cứu ứng dụng chế biến lõi ngô, bã mía và vỏ chanh leo làm thức ăn cho bò sữa tại Sơn La | 2017-2019 | Tỉnh Sơn La |  |
| Nghiên cứu cải tạo, quản lý thảm cỏ tự nhiên và chế biến thức ăn từ các nguyên liệu sẵn có phục vụ phát triển chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò, voi) quy mô tập trung và quy mô nông hộ tạo sinh kế bền vững cho người dân Tây Nguyên | 2017-2020 | Cấp nhà nước |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**16. Giải thưởng** (nếu có)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức và nội dung giải thưởng** | **Năm tặng thưởng** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (nếu có):

*Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của đơn vị**  *(ký tên, đóng dấu)* | Người khai (*họ, tên và chữ ký*)  PGS. TS. Bùi Quang Tuấn |